



# **HAGL Group**

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2015

**NỘI DUNG**

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 3 năm 2015

Ngàn VNĐ


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.714.005.622</b>	<b>3.504.371.767</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>506.701.403</b>	<b>601.272.163</b>
111	1. Tiền	4	506.701.403	601.272.163
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.778.203.588</b>	<b>2.496.427.082</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.236.909.505	376.927.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	238.350.236	220.714.082
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	944.982.107	868.145.856
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.357.995.946	1.030.674.279
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(34.206)	(34.206)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>340.095.649</b>	<b>309.065.841</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	340.095.649	309.065.841
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>89.004.982</b>	<b>97.606.681</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		904.615	4.653.327
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.317.127	11.170.114
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	81.783.240	81.783.240
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>21.338.881.130</b>	<b>19.645.982.940</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.924.545.181</b>	<b>8.809.571.304</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	11	9.682.523.521	8.589.549.644
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	242.021.660	220.021.660
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>259.616.493</b>	<b>432.076.145</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	244.231.199	379.235.897
222	Nguyên giá		320.681.376	489.532.279
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(76.450.177)	(110.296.382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	15.385.294	52.840.248
228	Nguyên giá		20.371.973	57.360.406
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.986.679)	(4.520.158)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>14.126.111</b>	<b>95.434.635</b>
231	1. Nguyên giá		15.001.180	96.184.694
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(875.069)	(750.059)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>80.789.214</b>	<b>78.727.897</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	80.789.214	78.727.897
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>11.044.497.750</b>	<b>10.214.387.533</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	17.1	9.661.915.498	8.824.915.498
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	17.2	104.859.200	238.962.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.277.723.052	1.150.509.535
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.306.381</b>	<b>15.785.426</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	15.306.381	15.785.426
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>26.052.886.752</b>	<b>23.150.354.707</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.079.050.737</b>	<b>11.434.968.546</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.505.236.501</b>	<b>5.846.110.498</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	813.701.450	65.146.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	1.613.225.805	891.109.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	123.810.560	19.230.207
314	4. Phải trả người lao động		12.203.340	9.614.077
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	225.590.829	251.851.172
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	927.952.675	944.557.436
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	3.737.575.606	3.611.437.595
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		51.176.236	53.164.217
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.573.814.236</b>	<b>5.588.858.048</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.703.596	1.385.096
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	6.565.512.391	5.580.874.703
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.598.249	6.598.249
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.973.836.015</b>	<b>11.715.386.161</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>26.1</b>	<b>11.973.836.015</b>	<b>11.715.386.161</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		249.756.283	249.756.283
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		286.008.118	27.558.264
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.381.864	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		258.626.254	27.558.264
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>26.052.886.752</b>	<b>23.150.354.707</b>

  
Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập

  
Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2015

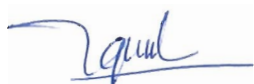
Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	585.002.818	304.299.384	585.002.818	304.299.384
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	585.002.818	304.299.384	585.002.818	304.299.384
11	3. Giá vốn hàng bán	28	(349.478.170)	(249.133.120)	(349.478.170)	(249.133.120)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		235.524.648	55.166.264	235.524.648	55.166.264
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	251.173.521	214.497.081	251.173.521	214.497.081
22	6. Chi phí tài chính	29	(279.473.936)	(209.741.285)	(279.473.936)	(209.741.285)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(278.895.530)	(204.425.518)	(278.895.530)	(204.425.518)
25	7. Chi phí bán hàng		(11.010.705)	(14.297.797)	(11.010.705)	(14.297.797)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(24.072.506)	(22.925.821)	(24.072.506)	(22.925.821)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		172.141.022	22.698.442	172.141.022	22.698.442
31	10. Thu nhập khác	30	158.326.030	1.498.828	158.326.030	1.498.828
32	11. Chi phí khác	30	(1.734.722)	(393.304)	(1.734.722)	(393.304)
40	12. Lợi nhuận khác	30	156.591.308	1.105.524	156.591.308	1.105.524

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		328.732.330	23.803.966	328.732.330	23.803.966
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(70.106.076)	(6.143.855)	(70.106.076)	(6.143.855)
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		258.626.254	17.660.111	258.626.254	17.660.111



Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>328.732.330</b>	<b>23.803.966</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	13,14,15	4.742.084	6.246.012
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(520.648.756)	(214.509.543)
06	Chi phí lãi vay	29	278.895.530	204.425.518
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>91.721.188</b>	<b>19.965.953</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(291.341.118)	(116.924.513)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(31.029.808)	30.401.465
11	Tăng các khoản phải trả		784.464.159	14.469.867
12	Giảm chi phí trả trước		4.227.757	6.293.845
14	Tiền lãi vay đã trả		(407.925.315)	(212.193.727)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31	(9.260.206)	(38.412.157)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.152.362)	(2.307.869)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>136.704.295</b>	<b>(298.707.136)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.799.238)	(14.552.734)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	159.580
23	Tiền chi cho vay		(1.414.640.745)	(1.157.623.325)
24	Tiền thu hồi cho vay		244.830.617	433.936.687
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(309.203.217)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	161.134.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.849.619	17.127.896
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.458.962.964)</b>	<b>(559.817.896)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.689.891.668	2.259.709.274
34	Tiền trả nợ gốc vay		(462.203.759)	(1.693.975.712)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.227.687.909</b>	<b>565.733.562</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(94.570.760)	(292.791.470)
60	Tiền đầu kỳ	4	601.272.163	1.547.434.971
70	Tiền cuối kỳ	4	506.701.403	1.254.643.501



Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2015

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi sáu (26) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là chăn nuôi bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, văn phòng và trung tâm thương mại để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, đường Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý I năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi chính sách kế toán**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15"), và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số 33 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.7 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Vườn cây cao su*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

**3.10 Thuê tài sản**

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí đi vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.18 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

**3.19 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.19 Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (dựa trên tỷ suất sinh lợi của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.20 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi ngân hàng	492.336.585	598.599.684
Tiền đang chuyển	11.813.440	9.031
Tiền mặt tại quỹ	2.551.378	2.663.448
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>506.701.403</u></b>	<b><u>601.272.163</u></b>

**5. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	619.922.692	48.671.742
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	381.376.744	160.107.600
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	164.212.528	81.833.334
Phải thu hợp đồng xây dựng	42.914.371	56.702.357
Phải thu tiền bán căn hộ	28.483.170	29.612.038
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.236.909.505</u></b>	<b><u>376.927.071</u></b>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 195.768.829 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (*Thuyết minh số 32*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	238.350.236	220.714.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>238.350.236</b>	<b>220.714.082</b>

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 94.568.620 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (*Thuyết minh số 32*).

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	416.005.712	400.443.941
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty	258.254.710	234.980.016
Phải thu cho vay ngắn hạn nhân viên	243.045.354	205.232.911
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Làng vận động viên SEA Games (i)	27.676.331	27.488.988
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>944.982.107</b>	<b>868.145.856</b>

(i) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Làng vận động viên SEA Games thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản Ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	Quý I năm 2015	Quý I năm 2014
Số nợ gốc đầu kỳ và cuối kỳ	1.286.075	4.958.949
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)</b>	<b>27.676.331</b>	<b>104.561.755</b>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	591.384.016	548.899.120
Lãi cho vay các công ty	582.353.138	439.104.915
Phải thu nhân viên	156.617.534	16.383.959
Ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	-	316.265
Các khoản khác	27.591.138	25.919.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.357.995.946</b>	<b>1.030.674.279</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	192.977.096	206.774.904
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.704.670	55.012.072
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	69.631.214	41.376.750
<i>Sản xuất</i>	10.037.456	13.599.322
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	36.000	36.000
Hàng hóa	43.416.695	17.740.810
Thành phẩm	11.824.191	12.617.847
Vật liệu xây dựng	11.357.936	7.285.010
Nguyên vật liệu	426.586	9.024.930
Công cụ, dụng cụ	388.475	610.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>340.095.649</b>	<b>309.065.841</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	3.851.185.936	3.807.185.936
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.870.325.395	2.441.149.353
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	2.446.680.145	1.873.119.736
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	514.332.045	468.094.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.682.523.521</b>	<b>8.589.549.644</b>

(i) Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") thể hiện khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV - HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng [1]") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng [2]").

Hợp đồng [1] được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 9,5% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL - AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng [2] là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ đồng và lãi suất là 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN (tiếp theo)**

- (ii) Cho vay dài hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay dài hạn các công ty khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017 và lãi suất trung bình từ 10,5% đến 15,1%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

**12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải thu góp vốn hợp tác đầu tư (i)	241.554.100	219.554.100
Ký quỹ dài hạn	467.560	467.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>242.021.660</b>	<b>220.021.660</b>

- (i) Số dư cuối kỳ của khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh thể hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía để phát triển dự án trồng cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	387.771.139	61.184.757	28.147.999	4.057.151	6.689.440	1.681.793	489.532.279
Mua sắm mới	-	737.000	180.000	156.564	-	-	1.073.564
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	731.918	-	-	-	-	-	731.918
Thanh lý, nhượng bán	(148.558.596)	(19.246.112)	-	(1.277.944)	-	(1.573.733)	(170.656.385)
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>239.944.461</u>	<u>42.675.645</u>	<u>28.327.999</u>	<u>2.935.771</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>320.681.376</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(61.445.897)	(25.721.261)	(15.529.487)	(2.664.536)	(3.811.740)	(1.123.461)	(110.296.382)
Tăng trong năm	(2.030.128)	(1.139.387)	(704.620)	(99.668)	(239.808)	(4.503)	(4.218.114)
Thanh lý, nhượng bán	24.877.403	11.026.344	-	1.041.614	-	1.118.958	38.064.319
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>(38.598.622)</u>	<u>(15.834.304)</u>	<u>(16.234.107)</u>	<u>(1.722.590)</u>	<u>(4.051.548)</u>	<u>(9.006)</u>	<u>(76.450.177)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>326.325.242</u>	<u>35.463.496</u>	<u>12.618.512</u>	<u>1.392.615</u>	<u>2.877.700</u>	<u>558.332</u>	<u>379.235.897</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>201.345.839</u>	<u>26.841.341</u>	<u>12.093.892</u>	<u>1.213.181</u>	<u>2.637.892</u>	<u>99.054</u>	<u>244.231.199</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dung đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	15.171.973	57.360.406
Thanh lý, nhượng bán	<u>(36.988.433)</u>	<u>-</u>	<u>(36.988.433)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>15.171.973</u>	<u>20.371.973</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(4.520.158)	(4.520.158)
Tăng trong năm	<u>-</u>	<u>(466.521)</u>	<u>(466.521)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>-</u>	<u>(4.986.679)</u>	<u>(4.986.679)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>42.188.433</u>	<u>10.651.815</u>	<u>52.840.248</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>10.185.294</u>	<u>15.385.294</u>

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Ngàn VNĐ	
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	96.184.694	
Thanh lý, nhượng bán	<u>(81.183.514)</u>	
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>15.001.180</u>	
<b>Giá trị hao mòn:</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(750.059)	
Tăng trong năm	<u>(125.010)</u>	
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>(875.069)</u>	
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>95.434.635</u>	
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>14.126.111</u>	

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.076.579	25.076.580
Chi phí trồng cây cao su	22.072.021	22.072.023
Các công trình xây dựng khác	<u>33.640.614</u>	<u>31.579.294</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>80.789.214</b></u>	<u><b>78.727.897</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

**17.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp và các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	Đang hoạt động	94,39	4.667.831.000	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	85,75	3.253.537.647	85,75	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,81	1.532.179.575	92,81	1.532.179.575
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	100,00	17.778.990
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>9.661.915.498</b>		<b>8.824.915.498</b>

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**17.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (*)	Chăn nuôi	8.800.920	45,00	88.009.200	3.892.950	45,00	38.929.500
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	1.185.000	42,55	11.850.000	1.185.000	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	6.000.000	30,00	183.183.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>104.859.200</b>			<b>238.962.500</b>

(\*) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900985126 ngày 28 tháng 4 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, có vốn điều lệ 550.000.000 ngàn VNĐ và Công ty nắm giữ 45% tỷ lệ sở hữu trong BSTN, tương đương 24.750.000 cổ phần phổ thông. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chưa góp đủ vốn vào BSTN.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền thuê đất	10.168.736	10.237.634
Chi phí bán căn hộ	2.669.140	2.109.947
Công cụ, dụng cụ	1.918.505	2.615.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	550.000	822.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.306.381</b>	<b>15.785.426</b>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả tiền mua cổ phần công ty con	702.954.300	-
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	109.173.068	63.496.149
Phải trả nhà thầu xây dựng	574.082	610.000
Các khoản khác	1.000.000	1.040.073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>813.701.450</b>	<b>65.146.222</b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 709.346.054 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (*Thuyết minh số 32*).

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Khách hàng thương mại trả tiền trước	872.714.123	626.208.242
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	706.616.842	239.839.533
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	33.894.840	25.061.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.613.225.805</b>	<b>891.109.572</b>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 651.398.059 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (*Thuyết minh số 32*).

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	78.292.954	17.447.084
Thuế giá trị gia tăng	44.018.635	689.451
Thuế thu nhập cá nhân	1.068.608	1.088.733
Các khoản phải nộp khác	430.363	4.939
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>123.810.560</b>	<b>19.230.207</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	224.904.705	243.637.312
Chi phí hoạt động	686.124	8.213.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>225.590.829</b>	<b>251.851.172</b>

**23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	821.396.885	849.110.839
Các khoản khác	106.555.790	95.446.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>927.952.675</b>	<b>944.557.436</b>

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	1.980.000.000	1.980.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	627.778.216	477.143.203
Vay dài hạn ngân đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	29.797.390	54.294.392
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.737.575.606</b>	<b>3.611.437.595</b>

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trái phiếu thường	7.386.030.018	6.398.579.830
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	59.279.763	86.589.265
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.575.309.781</b>	<b>7.615.169.095</b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	29.797.390	54.294.392
Trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	1.980.000.000	1.980.000.000
Nợ dài hạn	6.565.512.391	5.580.874.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	<i>Ngàn VND</i>					
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Quý I năm 2014</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	17.660.111	17.660.111
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(1.681.171)	(1.681.171)
<b>Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2014</b>	<b>7.181.546.930</b>	<b>3.544.438.784</b>	<b>8.622.737</b>	<b>230.027.423</b>	<b>567.700.879</b>	<b>11.532.336.753</b>
	<i>Ngàn VND</i>					
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Quý I năm 2015</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	258.626.254	258.626.254
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(176.400)	(176.400)
<b>Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2015</b>	<b>7.899.679.470</b>	<b>3.539.078.784</b>	<b>(686.640)</b>	<b>249.756.283</b>	<b>286.008.118</b>	<b>11.973.836.015</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**26.2 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2015 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**27. DOANH THU**

**27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>585.002.818</b>	<b>304.299.384</b>	<b>585.002.818</b>	<b>304.299.384</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	199.947.636	-	199.947.636	-
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	175.567.961	164.913.136	175.567.961	164.913.136
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	173.440.282	37.521.827	173.440.282	37.521.827
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	18.210.541	17.252.291	18.210.541	17.252.291
<i>Doanh thu căn hộ</i>	17.836.398	84.612.130	17.836.398	84.612.130

**27.2 Doanh thu tài chính**

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	241.554.725	203.665.501	241.554.725	203.665.501
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.041.164	-	5.041.164	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.977.632	9.488.112	3.977.632	9.488.112
Cổ tức nhận được	600.000	-	600.000	-
Thu nhập từ các khoản đầu tư	-	1.343.468	-	1.343.468
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>251.173.521</b>	<b>214.497.081</b>	<b>251.173.521</b>	<b>214.497.081</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bất động sản đầu tư	81.183.514	-	81.183.514	-
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	147.593.648	133.321.988	147.593.648	133.321.988
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	93.471.423	30.584.633	93.471.423	30.584.633
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.429.506	17.055.688	13.429.506	17.055.688
Giá vốn căn hộ	13.800.079	68.170.811	13.800.079	68.170.811
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>349.478.170</b>	<b>249.133.120</b>	<b>349.478.170</b>	<b>249.133.120</b>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	278.895.530	204.425.518	278.895.530	204.425.518
Lỗi chênh lệch tỷ giá	571.914	2.106.113	571.914	2.106.113
Các khoản khác	6.492	3.209.654	6.492	3.209.654
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>279.473.936</b>	<b>209.741.285</b>	<b>279.473.936</b>	<b>209.741.285</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**30. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VNĐ			
	<i>Quý I</i>		<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>158.326.030</b>	<b>1.498.828</b>	<b>158.326.030</b>	<b>1.498.828</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	155.752.277	12.462	155.752.277	12.462
Các khoản bồi thường	3.000	-	3.000	-
Các khoản khác	2.570.753	1.486.366	2.570.753	1.486.366
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.734.722)</b>	<b>(393.304)</b>	<b>(1.734.722)</b>	<b>(393.304)</b>
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(239.809)	-	(239.809)	-
Các khoản khác	(1.494.913)	(393.304)	(1.494.913)	(393.304)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>156.591.308</b>	<b>1.105.524</b>	<b>156.591.308</b>	<b>1.105.524</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2015

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I năm 2015</i>	<i>Quý I năm 2014</i>
Thuế TNDN hiện hành	70.106.076	6.143.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>70.106.076</u></b>	<b><u>6.143.855</u></b>

**Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I năm 2015</i>	<i>Quý I năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>328.732.330</b>	<b>23.803.966</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.074.154	4.122.649
Thu nhập cổ tức	(600.000)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(11.542.496)	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b><u>318.663.988</u></b>	<b><u>27.926.615</u></b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>70.106.076</b>	<b>6.143.855</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	17.447.084	35.091.960
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(9.260.206)	(38.412.157)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>78.292.954</u></b>	<b><u>2.823.658</u></b>

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			<i>Ngàn VND</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Phát triển	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	34.213.032
Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu		Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.346.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	25.634.166
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	57.539
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	24.386.875
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	16.482.731
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	15.296.647
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	14.792.268
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	11.309.375
		Doanh thu bán hàng hóa	1.721.418
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	147.269
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	8.599.672
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	785.541
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	8.671.913
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	3.553.222
		Doanh thu bán hàng hóa	1.198.774
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	139.972
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	3.719.974
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	78.169
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí quảng cáo	3.250.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.195.610
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	68.080
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.855.749
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	779.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay Mua dịch vụ	1.400.000 479.167
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	907.535

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định Phải thu chuyển nhượng cổ phần Phải thu hợp đồng xây dựng	48.671.743 38.086.144 42.721
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng Bán hàng hóa và dịch vụ	31.871.206 24.382.858
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa Phải thu hợp đồng xây dựng	15.315.714 12.940
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	12.844.773
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng Bán dịch vụ	8.846.183 72.137
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.885.205
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.173.740
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa Phải thu hợp đồng xây dựng	1.876.526 161.996
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa Phải thu hợp đồng xây dựng	1.021.100 153.970
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.349.873
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>195.768.829</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	<u>94.568.620</u>
<b><i>Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	150.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	56.004.453
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Cho mượn tạm	50.597.286
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	40.000.000
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	36.943.600
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	24.682.417
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	21.625.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	15.562.764
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	7.618.500
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	6.397.317
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	4.074.375
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho mượn tạm	2.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>416.005.712</u></b>
<b><i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cổ tức	83.091.160
		Phải thu tiền lãi vay	129.682.565
		Chi phí trả hộ	6.147.385
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	107.382.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			<i>Ngàn VNĐ</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i></b> (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	91.853.529
		Cho mượn tạm	1.350.606
		Chi phí trả hộ	232.068
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	59.740.912
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	43.613.585
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	17.016.450
		Chi phí trả hộ	292.289
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhờ thu hộ	9.883.128
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	7.904.826
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhờ thu hộ	7.031.539
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	3.553.222
		Chi phí trả hộ	70.479
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.558.400
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	1.400.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	788.088
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>591.384.016</u></b>
<b><i>Các khoản phải thu về cho vay dài hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	749.176.042
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	719.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	652.149.353
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	350.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (tiếp theo)</b>			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	270.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	130.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.870.325.395</u></b>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải trả mua cổ phần công ty con	702.954.300
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	4.167.069
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	833.948
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	582.217
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>709.346.054</u></b>
<b>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	153.178.776
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.172.442
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	92.340.965
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	82.651.962
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	76.676.042
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	8.218.111
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>651.398.059</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Vay mượn tạm	626.302.006
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	185.193.063
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>821.396.885</u></b>

**33. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý I năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

*Bảng cân đối kết toán*

	Ngàn VNĐ		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>6.383.017.379</b>	<b>(2.878.645.612)</b>	<b>3.504.371.767</b>
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	(81.783.240)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	216.819.471	160.107.600	376.927.071
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	868.145.856	868.145.856
Phải thu ngắn hạn khác	4.921.139.268	(3.890.464.989)	1.030.674.279
Tài sản ngắn hạn khác	16.434.079	65.349.161	81.783.240
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>16.805.621.866</b>	<b>2.840.361.074</b>	<b>19.645.982.940</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	-	8.589.549.644	8.589.549.644
Phải thu dài hạn khác	6.333.833.672	(6.113.812.012)	220.021.660
Nguyên giá – Bất động sản đầu tư	15.001.180	81.183.514	96.184.694
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	828.317.509	322.192.026	1.150.509.535
Chi phí trả trước dài hạn	54.069.964	(38.284.538)	15.785.426
Tài sản dài hạn khác	467.560	(467.560)	-
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>11.473.253.084</b>	<b>(38.284.538)</b>	<b>11.434.968.546</b>
Phải trả dài hạn khác	7.983.345	(6.598.249)	1.385.096
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.619.159.241	(38.284.538)	5.580.874.703
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.598.249	6.598.249
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>11.715.386.161</b>	<b>-</b>	<b>11.715.386.161</b>
Quỹ đầu tư phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2015

**33. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG** (tiếp theo)

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

	Quý I năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngàn VNĐ Quý I năm 2014 (được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.371.596	(72.212)	304.299.384
Các khoản giảm trừ doanh thu	(72.212)	72.212	-
Thu nhập khác	1.645.946	(147.118)	1.498.828
Chi phí khác	(540.422)	147.118	(393.304)

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

		
Nguyễn Thị Đỗ Quyên Người lập	Hồ Thị Kim Chi Kế toán trưởng	Võ Trường Sơn Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2015